

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH TTH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2023/HS-ST
Ngày 13-7-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH TTH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh L.

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Hoàng Phương N và bà Hồ Thị Phi Ph.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Th - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố H, tỉnh TTH.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thành Tr - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án Nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 158/2023/TLST-HS ngày 29/5/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2023/QĐXXST-HS ngày 27/6/2023 đối với:

- Bị cáo: Phan R (Tên gọi khác: Bờm), sinh ngày 12/6/1985 tại tỉnh TTH. Nơi cư trú: Số 07/104 đường Nguyễn Phúc Thái, phường Kim L, thành phố H, tỉnh TTH; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ văn hoá: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan H, sinh năm 1941 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1950; vợ, con: Chưa có. Tiền án: Bị cáo có 01 tiền án, ngày 29/4/2022 bị cáo bị Tòa án Nhân dân thành phố H, tỉnh TTH xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 100/2022/HS-ST; tiền sự: Không.

Quá trình nhân thân: Ngày 22/4/2010, bị Trưởng Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính số tiền 80.000 đồng về hành vi "Gây mất trật tự khu dân cư" theo Quyết định số 16271/QĐ-XPVPHC. Bị bắt tạm giữ ngày 03/02/2023, tạm giam từ ngày 09/02/2023 cho đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Văn Đức H - Luật sư Văn phòng luật sư Hồng Tr thuộc Đoàn luật sư tỉnh TTH. Có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông Phan H, sinh năm 1941 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1950. Cùng trú tại: Số 07/104 đường Nguyễn Phúc Thái,

phường Kim L, thành phố H, tỉnh TTH là cha đẻ, mẹ đẻ của bị cáo. Ông H vắng mặt, bà M có mặt.

- *Bị hại*: Anh Trương Ngọc A, sinh ngày 26/6/2005.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đức Lam Trung, thị trấn Phú Đa, huyện Phú V, tỉnh TT H Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Nguyễn Minh Tr, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Kiệt 346 đường Tăng Bạt Hổ, phường Thuận L, thành phố H, tỉnh TTH. Vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

+ Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Kiệt 346 đường Tăng Bạt Hổ, phường Thuận L, thành phố H, tỉnh TTH. Vắng mặt.

+ Anh Lê Văn R, sinh ngày 20/02/2006. Nơi cư trú: Tổ dân phố Đức Lam Trung, thị trấn Phú Đ, huyện Phú V, tỉnh TTH. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 02/02/2023, Phan R đến chùa Thiên Mụ ngồi chơi, uống bia thì nhìn thấy 02 em Trương Ngọc A, sinh ngày 26/6/2005 và Lê Văn R, sinh ngày 20/02/2006. Cùng trú tại: Tổ dân phố Đức Lam Trung, thị trấn Phú Đ, huyện Phú V, tỉnh TTH đi xe mô tô nhãn hiệu HALIM biển kiểm soát 75AH-023.24 màu đen đến bờ kè chùa Thiên M thuộc phường Hương L, thành phố H để ăn đậu hũ. Do có ý định chiếm đoạt xe nên Phan R đến gặp A nói “*Cho chú mượn chiếc xe chạy thử về dưới này tí rồi chú trả*”, do tin tưởng Phan R nên em Trương Ngọc A cho Phan R mượn xe; khi Phan R mượn được xe mô tô thì Phan R lái xe chạy về nhà mình lấy mũ bảo hiểm, rồi tiếp tục chạy xe về phường Thuận A chơi; đến khoảng 04 giờ 30 phút ngày 03/02/2023 Phan R lái xe lên Ga H ngồi một mình đến 05 giờ sáng cùng ngày Phan R lái xe mô tô trên đến uống cà phê gần cầu Bao V, thành phố H thì gặp anh Nguyễn Minh Tr, sinh năm 1993; nơi cư trú: Kiệt 346 đường Tăng Bạt Hổ, phường Thuận L, thành phố H; anh Tr hỏi Phan R mua xe mô tô trên với giá 1.000.000 đồng và xin chạy thử thì Phan R đồng ý. Sau khi chạy xe về nhà hỏi cha của mình là ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1963; nơi cư trú: Kiệt 346 đường Tăng Bạt Hổ, phường Thuận L, thành phố H xin tiền để mua xe thì ông T không đồng ý. Sau đó, anh Tr lái xe đến quán cà phê trả lại cho Phan R thì không thấy Phan R đâu nên đưa xe về cất trước mặt nhà tại Kiệt 346 đường Tăng Bạt Hổ, phường Thuận L, thành phố H. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày Công an phường Hương L đến làm việc thì Nguyễn Minh Tr giao nộp xe. Qua truy xét, Công an phường Hương L, thành phố H nghi vấn Phan R là người thực hiện hành vi chiếm đoạt xe mô tô trên nên triệu tập Phan R lên làm việc thì Phan R thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

* Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H tạm giữ xe mô tô nhãn hiệu HALIM, biển kiểm soát 75AH-023.24. Xe này hiện nay đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 08/02/2023, Hội đồng định giá tài sản thành phố H kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu HALIM, biển kiểm soát 75AH-02324 giá trị 6.500.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định Pháp y tâm thần số 517/KLGĐ ngày 28/4/2023, Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Miền Trung - Bộ y tế kết luận về tình trạng tâm thần của Phan R như sau:

- Trước thời điểm gây án:

a. Về y học: Rối loạn loạn thần trong Rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng rượu, trạng thái hỗn hợp (F10.56).

b. Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

- Tại thời điểm gây án:

a. Về y học: Rối loạn loạn thần trong Rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng rượu, trạng thái hỗn hợp (F10.56).

b. Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

- Tại thời điểm hiện tại:

a. Về y học: Rối loạn loạn thần trong Rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng rượu, trạng thái hỗn hợp (F10.56).

Đối tượng cần được điều trị ngoại trú và cách ly rượu.

b. Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 180/CT-VKSTPH ngày 29/5/2023, Viện kiểm sát Nhân dân thành phố H, tỉnh TTH truy tố Phan R về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố H giữ nguyên bản Cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Về hình sự: Căn cứ khoản 1 Điều 174; các điểm q, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Phan R mức hình phạt từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Phan R.

Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Ý kiến tranh luận của người bào chữa cho bị cáo (Đồng thời cũng là ý kiến của bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo): Người bào chữa đồng ý với bản Cáo trạng truy tố bị cáo; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo. Tuy nhiên, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hoàn cảnh gia đình bị cáo học đến lớp 6/12; hành vi phạm tội của bị cáo đơn giản, nhất thời; tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại đã thu giữ trả lại cho bị hại để áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo sớm trở về với gia đình.

Tranh luận với quan điểm của người bào chữa về áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự: Kiểm sát viên cho rằng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là phù hợp nên giữ nguyên quan điểm luận tội.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội sai, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Có đủ căn cứ vững chắc kết luận: Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên khi phát hiện anh Trương Ngọc A đang quản lý xe mô tô nhãn hiệu HALIM, biển kiểm soát 75AH-023.24 gần khu vực chùa Thiên M thì bị cáo Phan R dùng thủ đoạn gian dối hỏi mượn xe chạy thử, anh Trương Ngọc A tin tưởng nên giao xe mô tô cho bị cáo thì bị cáo đã chiếm đoạt chiếc xe mô tô nêu trên, rồi thỏa thuận bán cho anh Nguyễn Minh Tr với giá trị 1.000.000 đồng nhưng không được; giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt theo kết luận định giá tài sản là 6.500.000 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo Phan R gây nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương; đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát Nhân dân thành phố H truy tố bị cáo Phan R là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng:

Bị cáo Phan R là người có nhân thân xấu, đã bị Trưởng Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Gây mất trật tự khu dân cư”; đến năm 2022 bị Tòa án Nhân dân thành phố H xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, sau khi chấp hành án xong bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân để lao động nuôi sống bản thân mà lại tiếp tục phạm tội nên phạm vào tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, cũng cần xem xét cho bị cáo Phan R là quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thành khẩn khai báo; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn và tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Quá trình điều tra bị hại đề nghị được nhận lại tài sản và xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét thêm cho bị cáo Phan R về khuyến cáo của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Miền Trung - Bộ y tế là “Đối tượng cần được điều trị ngoại trú và cách ly rượu” để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ theo định tại điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự như đề nghị của người bào chữa. Hội đồng xét xử thấy rằng: Về quá trình tiền sử và bệnh sử của bị cáo theo kết luận giám định tâm thần, lời khai của bị cáo, người thân thích bị cáo tại phiên tòa thì tháng 8/2023 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, bị cáo tiếp tục sử dụng rượu, uống thường xuyên hằng ngày, đi lang thang một tháng về nhà từ 01 lần đến 02 lần. Tại phiên tòa bị cáo khai nhận trước khi chiếm đoạt xe của anh A thì bị cáo đang uống bia tại bờ kè Chùa Thiên M. Như vậy, việc bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi không phải do bị bệnh, bẩm sinh hoặc nguyên nhân khách quan khác mà do bị cáo tự gây ra. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ áp dụng điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với anh Nguyễn Minh Tr có thỏa thuận mua bán xe mô tô với bị cáo số tiền 1.000.000 đồng, nhưng chưa giao dịch xong; bản thân anh Tr cũng không biết chiếc xe mô tô là tài sản do bị cáo Phan R phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H không xử lý anh Tr là có căn cứ pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng: Anh Trương Ngọc A đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phan R phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ khoản 1 Điều 174; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; căn cứ khoản 2 Điều 136; Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Phan R (Tên gọi khác: Bờm) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phan R 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (Ngày 03/02/2023).

3. Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Phan R phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TTH;
- VKSND tỉnh TTH;
- Công an tỉnh TTH(Phòng PV06);
- Sở tư pháp tỉnh TTH;
- VKSND TP.H;
- CQCSĐT Công an TP.H;
- CQTHAHS Công an TP.H;
- Chi cục THADS TP.H;
- Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án và Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh L